TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIỄN CHÂU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/KDTM - ST
Ngày: 29 - 9 - 2020
"V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Minh Phương

2. Ông Nguyễn Đức Hồ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thế Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2020/TLST- KDTM ngày 23 tháng 7 năm 2020 về "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:164/2020/QĐXX - ST ngày 22 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP VNTV (Sau đây gọi tắt là VPB)

Địa chỉ trụ sở: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Huy H3 – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ, theo Văn bản ủy quyền số 2424/2019/UQ-HĐQT ngày 21/03/2020 (Có mặt)

2. Bị đơn: - Ông Nguyễn Trung H1, sinh năm 1964.

Địa chỉ: xóm X, xã M, huyện D, tỉnh Nghệ An. (xóm 1, xã Diễn B cũ)

Người đại diện theo ủy quyền của Ông H1: Bà Nguyễn Thị Thúy H2

Địa chỉ: xóm X, xã M, huyện D, tỉnh Nghệ An. (xóm 1, xã Diễn Bình cũ)

- Bà Đặng Thị N, sinh năm 1968

Địa chỉ: xóm X, xã M, huyện D, tỉnh Nghệ An. (xóm 1, xã Diễn B cũ)

(Ông H1, bà N, bà Hằng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm; người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ông Nguyễn Trung H1 và bà Đặng Thị N vay vốn tại VPB Nghệ An tại Hợp đồng tín dụng số 7000898 ngày 06/05/2016; Số tiền vay: 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng); Thời hạn vay: 60 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; Mục đích sử dụng vốn: Mua xe tải DONGFENG YG 3250B;

Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 8,9%/năm. Mức lãi suất này sẽ được ổn định trong vòng 03 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 03 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần, vào các ngày 01/01; 01/04; 01/07 và 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 06/08/2016, điều chỉnh sau đó vào ngày 01/10/2016 mức điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bậc thang thấp nhất của bên Ngân hàng đang ấp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 6%/năm. Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn.

Ngoài ra ông Nguyễn Trung H1 có vay Ngân hàng VPB Nghệ An theo Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 17/12/2016; Số tiền vay: 79.000.000 đồng (bảy mươi chín triệu đồng); Thời hạn vay: 48 tháng; Mục đích sử dụng vốn: vay tiêu dùng; Lãi suất trong hạn: 20%/năm; Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là: 01 xe ô tô nhãn hiệu DONGFENG số loại YG 3250B, BKS: 37C-205.81; số khung; IGAX4C436F1006149; số máy YC6A26033A10E1F30763; thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Trung H1 và bà Đặng Thị N. Chi tiết hợp đồng thế chấp xe ô tô số 7000898 ngày 06/05/2016.

Quá trình thực hiện các Hợp đồng trên, Ông H1 và bà N đã thanh toán được

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 7000898 ngày 06/05/2016 Ông H1 và bà N đã trả được 226.661.000 đồng tiền gốc và 166.898.591 đồng tiền lãi.

- Đối với Giấy đăng ký mở tài khoản ngày 17/12/2016 Ông H1 đã trả được 30.157.283 đồng tiền gốc và 29.645.310 đồng tiền lãi.

Đến ngày 06/11/2017 Ông H1 và bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với HĐTD số 7000898 ngày 06/5/2016

Đến ngày 21/12/2018 Ông H1 và bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 17/12/2016.

Ngân hàng VPB đã yêu cầu Ông H1 và bà N thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc bàn giao tài sản bảo đảm để bán đấu giá thu hồi nợ. Nhưng Ông H1 và bà N không thực hiện.

Tính đến ngày 29/9/2020, Ông H1 và bà N còn nợ VPB số tiền là:

Đối với Hợp đồng tín dụng sô 7000898 ngày 06/05/2016: Nợ gốc: 573.339.000 đồng. Nợ lãi: 313.550.077 đồng. Tổng 886.889.077 đồng.

Đối với giấy đăng ký mở tài khoản ngày 17/12/2016: Nợ gốc: 48.482.717 đồng. Nợ lãi: 24.773.551 đồng. Tổng: 73.616.268 đồng.

Nay ngân hàng VPB yêu cầu Toà án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An buộc Ông H1 và bà N trả nợ cho Ngân hàng VPB khoản nợ của Hợp đồng tín dụng số 7000898 ngày 06/05/2016 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (29/9/2020) tổng số tiền là 886.889.077 đồng trong đó tiền gốc 573.339.000 đồng và 313.550.077 đồng tiền lãi.

Và buộc ông Nguyễn Trung H1 trả khoản nợ của Giấy đăng ký mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 17/12/2016 tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (29/9/2020) tổng số tiền là 73.616.268 đồng trong đó tiền gốc 48.482.717 đồng và 24.773.551 đồng tiền lãi.

Trong trường hợp Ông H1 và bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì xử lý tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô nhãn hiệu DONGFENG số loại YG 3250B, BKS: 37C-205.81; số khung; IGAX4C436F1006149; số máy YC6A26033A10E1F30763; thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Trung H1 và bà Đặng Thị N.

Tài sản này khi Ngân hàng VPB phát hiện thấy tài sản thì Ngân hàng VPB sẽ yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại để thu hồi nợ.

** Bị đơn ông Nguyễn Trung H1 và bà Đặng Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng lời khai của Ông H1 và người đại diện hợp pháp của Ông H1 là bà Nguyễn Thị Thúy H2 thể hiện nội dung:*

Năm 2016 vợ chồng ông Nguyễn Trung H1 và bà Đặng Thị N đã vay của VPB - Chi nhánh Nghệ An số tiền theo hợp đồng tín dụng và Giấy đăng ký mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nhớ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn như lời của đại diện của Ngân hàng VPB trình bày.

Quá trình thực hiện hợp đồng gia đình Ông H1 do điều kiện khó khăn nên không trả được nợ gốc và nợ lãi nên Ngân hàng VPB yêu cầu vợ chồng Ông H1 và bà N trả nợ. Vì vậy Ông H1 có ý kiến như sau:

Đồng ý chấm dứt hợp đồng tín dụng số 7000898 ngày 06/5/2016 và Giấy đăng ký vay tiền tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 17/12/2016.

Ông H1 và bà N thống nhất thanh toán toàn bộ số tiền cho VPB số tiền nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến ngày 06/4/2020 là 903.149.694 đồng (trong đó, tiền gốc: 622.181.717 đồng và tiền lãi: 280.967.977đồng).

Nếu Ông H1 và bà N không trả hoặc trả không đủ thì chấp nhận kê biên, phát mãi tài sản là: "01 xe ô tô nhãn hiệu DONGFENG Biển kiểm soát 37C-205.81 thuộc quyền sở hữu, sử dụng ông Nguyễn Trung H1 và bà Đặng Thị N".

Ngoài ra Ông H1 đề nghị Ngân hàng xem xét giảm tiền lãi.

- Bà Đặng Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để làm việc, nhưng bà N không đến Tòa án làm việc mà không rõ lý do, cũng như không có bản khai tại Tòa án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu phát biểu:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng theo Bộ luật tố tụng dân sự; tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Bị đơn không thực hiện các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc có mặt tại Toà án để tham gia tố tụng.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Trung H1 và bà Đặng Thị N trả nợ cho VPB tổng số tiền của Hợp đồng tín dụng tính số 7000898 ngày 06/5/2016 tính đến ngày 29/9/2020 là 886.889.077 đồng trong đó nợ gốc: 573.339.000 đồng; nợ lãi: 313.550.077 đồng;

Buộc ông Nguyễn Trung H1 trả nợ cho Ngân hàng TMCP VNTV tổng số tiền của Giấy đăng ký vay tiền tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 17/12/2016 tổng số tiền nợ là 73.616.268 đồng trong đó nợ gốc là 48.482.717 đồng); Nợ lãi là 24.773.551 đồng). Trong trường hợp Ông H1 và bà N không trả được nợ hoặc trả nợ không đủ cho VPB thì đề nghị Tòa án xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho VPB. Về án phí: Ông Nguyễn Trung H1 và bà Đặng Thị N phải chịu nghĩa vụ án phí dân sự sơ thẩm theo

quy định của pháp luật. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Do nguyên đơn không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp hợp đồng tín dụng số 7000898 ngày 06/5/2016 và Giấy đăng ký vay tiền tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 17/12/2016; với mục đích ký kết hợp đồng vay tiêu dùng. Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại xã Diễn Bình (nay là xã Minh Châu), huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An nên theo quy định tại điều 30; điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu.

[1.2] Tại phiên tòa, ông Nguyễn Trung H1 và bà Đặng Thị N và người đại diện hợp pháp của Ông H1 vắng mặt, Toà án nhân dân huyện Diễn Châu đã tiến hành việc tống đạt các văn bản tố tụng của Toà án cho bị đơn hợp lệ nhưng bị đơn không có mặt tại tại Toà án để tham gia phiên tòa. Căn cứ vào điều 227, điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn (Ông H1).

[2] Xét nội dung yêu cầu của các đương sự trong vụ án:

[2.1]. Về yêu cầu trả tiền gốc, tiền lãi:

Ngân hàng VPB yêu cầu Toà án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An buộc Ông H1 và bà N trả nợ cho Ngân hàng VPB các khoản nợ của Hợp đồng tín dụng số 7000898 ngày 06/5/2016 số tiền là 886.889.077 đồng (trong đó tiền gốc 573.339.000 đồng và 313.550.077 đồng tiền lãi) và Giấy đăng ký vay tiền tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 17/12/2016 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2020) số tiền 73.616.268 đồng (trong đó tiền gốc 48.482.717 đồng và 24.773.551 đồng tiền lãi).

Bị đơn ông Nguyễn Trung H1 thống nhất với nội dung về số tiền vay, số tiền đã trả và số tiền còn lại chưa trả cho VPB tại Hợp đồng tín dụng và Giấy đăng ký vay tiền tiêu dùng cá nhân. Ông H1 chỉ đề nghị VPB miễn giảm tiền lãi. Bà Đặng Thị N không có lời khai tại Tòa án.

Xét yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu về trả nợ gốc, nợ lãi của các Hợp đồng tín dụng của nguyên đơn phù hợp với các thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng và Giấy đăng ký mở tài khoản về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất trong hạn, điều chỉnh lãi suất theo biên độ, lãi suất quá

hạn; đồng thời phù hợp với các quy định của pháp luật trong hoạt động tín dụng ngân hàng, phù hợp với bảng kê chi tiết được hạch toán trong Ngân hàng VPB; Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-2-2005. Phù hợp với Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Do vậy cần chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc kể từ sau ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo mức lãi suất mà bên thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng. Cụ thể:

- Ông Nguyễn Trung H1 và bà Đặng Thị N phải trả khoản nợ của Hợp đồng tín dụng số 7000898 ngày 06/5/2016 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (29/9/2020) là 886.889.077 đồng (trong đó tiền gốc 573.339.000 đồng và 313.550.077 đồng tiền lãi).

- Ông Nguyễn Trung H1 phải trả khoản nợ của Giấy đăng ký vay tiền tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 17/12/2016 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (29/9/2020) là 73.616.268 đồng (trong đó nợ gốc 48.482.717 đồng và 24.773.551 đồng nợ lãi).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Trung H1 và bà Đặng Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng và Giấy đăng ký vay tiền tiêu dùng cá nhân, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về yêu cầu của giảm tiền lãi của bị đơn, Ngân hàng VPB không đồng ý và yêu cầu này không có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Trung H1.

[2.2]. Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Ngân hàng VPB yêu cầu trong trường hợp ông Nguyễn Trung H1 và bà Đặng Thị N không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì đề nghị Tòa án tuyên phát mại tài sản thế chấp là 01(một) xe ô tô nhãn hiệu DONGFENG Biển kiểm soát 37C-205.81 thuộc quyền sở hữu, sử dụng ông Nguyễn Trung H1 và bà Đặng Thị N.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng thế chấp xe ô tô giữa ông Nguyễn Trung H1, bà Đặng Thị N và Ngân hàng TMCP VNTV đã tuân thủ theo đúng quy định tại các điều 122, 124, 318, 319, 323, 342 của Bộ luật Dân sự 2005; Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm nên Hợp đồng thế chấp hợp pháp, có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Tài sản xe ô tô sau khi nhận thế chấp, Ngân hàng VPB đã giao lại cho Ông H1 và bà N quản lý sử dụng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã yêu cầu Ông H1 và bà N phải đưa tài sản thế chấp nêu trên đến trụ sở UBND xã Diễn Bình (nay là xã Minh Châu), huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An để tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ nhưng Ông H1 và bà N không thực hiện nội dung yêu cầu trên, nên Tòa án không thể tiến hành việc xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng VPB đề nghị đối với tài sản thế chấp này khi VPB phát hiện thấy tài sản thì VPB sẽ yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại để thu hồi nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu này không trái quy định của pháp luật và nội dung thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp nên cần chấp nhận khi VPB phát hiện thấy tài sản này thì VPB sẽ yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại để thu hồi nợ.

Sau khi ông Nguyễn Trung H1 và bà Đặng Thị N trả nợ xong số tiền vay của Hợp đồng tín dụng số 7000898 ngày 06/5/2016 thì Ngân hàng VPB phải trả lại cho ông Nguyễn Trung H1 và bà Đặng Thị N Giấy đăng ký xe ô tô. Trong trường hợp xử lý tài sản thế chấp không đủ cho nghĩa vụ trả nợ thì ông Nguyễn Trung H1, bà Đặng Thị N tiếp tục phải có nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng VPB.

[3]. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Nay tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu xem xét đối với khoản chi đã nộp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39, các Điều 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các Điều 471, 474 , Điều 476, Điều 715, Điều 716, Điều 717, Điều 718, Điều 719, Điều 720, và Điều 721 Bộ luật dân sự 2005;

- Khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14-4-2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

- Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao

- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP VNTV.

1.1. Buộc ông Nguyễn Trung H1 và bà Đặng Thị N trả nợ cho Ngân hàng TMCP VNTV tổng số tiền của Hợp đồng tín dụng tính số 7000898 ngày 06/5/2016 tính đến ngày 29/9/2020 là 886.889.077 đồng *(Bằng chữ:tám trăm tám mươi sáu triệu, tám trăm tám mươi chín nghìn, không trăm bảy mươi bảy đồng);* trong đó nợ gốc: 573.339.000 đồng *(năm trăm bảy mươi ba triệu, ba trăm ba mươi chín nghìn đồng),* nợ lãi: 313.550.077 đồng *(ba trăm mười ba triệu, năm trăm năm mươi nghìn, không trăm bảy mươi bảy đồng).*

1.2. Buộc ông Nguyễn Trung H1 trả nợ cho Ngân hàng TMCP VNTV tổng số tiền của Giấy đăng ký vay tiền tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 17/12/2016 tổng số tiền nợ là 73.616.268 đồng *(bảy mươi ba triệu, sáu trăm mười sáu nghìn, hai trăm sáu mươi tám đồng)*; trong đó nợ gốc là 48.482.717 đồng *(bốn mươi tám triệu, bốn trăm tám*

mươi hai nghìn, bảy trăm mười bảy đồng); nợ lãi là 24.773.551 đồng *(hai mươi tư triệu, bảy trăm bảy mươi ba nghìn, năm trăm năm mốt đồng)*.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Trung H1 và bà Đặng Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng và Giấy đăng ký vay tiền tiêu dùng cá nhân, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.3. Trong trường hợp ông Nguyễn Trung H1 và bà Đặng Thị N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ khoản nợ hợp đồng tín dụng số 7000898 ngày 06/5/2016 thì khi Ngân hàng VPB phát hiện thấy tài sản thế chấp là 01(một) xe ô tô nhãn hiệu DONGFENG Biển kiểm soát 37C-205 (Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 033564 do Công an tỉnh Nghệ An cấp), Ngân hàng VPB có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại để thu hồi khoản nợ Hợp đồng tín dụng số 7000898 ngày 06/5/2016.

Sau khi Ông H1 và bà N phải trả nợ xong số tiền vay của Hợp đồng tín dụng số 7000898 ngày 06/5/2016 thì ngân hàng VPB phải trả lại cho chủ sở hữu giấy đăng ký xe của tài sản đã thế chấp.Trong trường hợp xử lý tài sản thế chấp không đủ cho nghĩa vụ trả nợ thì ông Nguyễn Trung H1, bà Đặng Thị N tiếp tục phải có nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng VPB.

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Trung H1 và bà Đặng Thị N phải chịu 38.606.000 đồng *(ba mươi tám triệu, sáu trăm linh sáu nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Trung H1 phải chịu 3.680.000 đồng *(ba triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP VNTV số tiền tạm ứng án phí 19.550.000 đồng *(mười chín triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng)* đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Diễn Châu theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0004228 ngày 23/07/2020.

3. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người đại diện cho bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Diễn Châu;
- Chi cục THADS huyện Diễn Châu;
- Lưu hồ sơ.

Vũ Đức Thúy